ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ IA BĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:302/BC-UBND	*Ia Băng, ngày 22 tháng 11 năm 2022*

BÁO CÁO
Tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2022 trên địa bàn xã

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Ngay từ đầu năm Đảng ủy xã đã ban hành Nghị quyết số 43-NQ/ĐU ngày 11/01/2022 của Đảng ủy xã Ia Băng Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp Hành Đảng bộ xã khóa XII các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu năm 2022; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của Hội đồng Nhân dân xã Ia Băng về việc thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022; Nghị quyết số 16-NQ-ĐU, ngày 30/12/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ xã khóa (XII) về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2021;

Ủy ban nhân dân xã ban hành các văn bản, kế hoạch để triển khai thực hiện[1]

2. Công tác tuyên truyền, vận động

Tổ chức tuyên truyền với nhiều hình thức như: Lồng ghép với các cuộc họp tiếp xúc cử tri tại các thôn làng, trong các cuộc họp phát động quần chúng, họp tuyên truyền vận động nhân dân, tuyên truyền pháp luật..... để nhân dân hiểu, nắm

---

[1] Kế hoạch số 11/KH-UBND, ngày 11/02/2022 của UBND xã về việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2022; Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 18/3/2021 của UBND xã Ia Băng về kế hoạch thực hiện Nghị Quyết số 16-NQ/ĐU của Ban chấp hành Đảng bộ xã khóa (XII) về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2021;

Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 24/01/2022 của UBND xã Ia Băng về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2022; Kế hoạch số 01/KH-BQL ngày 17/02/2022 của Ban Quản lý các Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới về kế hoạch phân công các thành viên Ban quản lý thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2022; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 17/02/2022 của UBND xã Ia Băng về kế hoạch xây dựng làng O O Yố đạt chuẩn Nông thôn mới trong làng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 17/02/2022 của UBND xã Ia Băng về phân công các cán bộ, công chức phụ trách tiêu chí làng đạt chuẩn Nông thôn mới trong làng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022; Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND xã Ia Băng về việc thành lập Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã Ia Băng giai đoạn 2021-2025. Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND xã Ia Băng về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã Ia Băng giai đoạn 2021-2025;

rõ, góp phần huy động toàn bộ hệ thống chính trị và cộng đồng tham gia thực hiện xây dựng Nông thôn mới (XD NTM).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Căn cứ quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ quyết định Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh GIa Lai về Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

1. Các tiêu chí tự đánh giá theo quyết định 710 của Tỉnh Gia Lai:

+ Các tiêu chí đạt: Có 16 tiêu chí gồm: Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí số 3 - Thủy lợi; Tiêu chí số 4 - Điện; tiêu chí số 5 - trường học; Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí 8 - Thông tin và truyền thông; tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư; Tiêu chí 10 - Thu nhập; Tiêu chí 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí sô 12 - Lao động; Tiêu chí 13- Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo; Tiêu chí 16 - Văn hóa; Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm; Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và an ninh.

+ Các tiêu chí chưa đạt: Có 03 tiêu chí gồm: Tiêu chí số 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 15 - Y tế(15.1); Tiêu chí 18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (18.2);

(Có bảng thực trạng kèm theo)

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ

1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch

- Thực trạng: Đã có quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới; Đã ban hành quy chế quản lý quy hoạch và đang tổ chức thực hiện quy hoạch theo quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đak Đoa về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Ia Băng, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.
- Kết quả thực hiện: HĐND xã thông qua kinh phí, lập nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2032.
- Kế hoạch: Chỉ tiêu 1.1: thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2032.
- Kinh phí: 398.541.000 đồng.
- Giải pháp: Tham mưu các bước lập và rà soát trong công tác lập quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2032.
- Đánh giá: Chưa đạt

2. Tiêu chí số 2 - Giao thông

*** Kết quả thực hiện:**

Đã hoàn thành 3,3 km đường giao thông nông thôn, tổng kinh phí: 3.709.569.000 đồng. Trong đó. Ngân sách tỉnh: 1.187 triệu đồng; Ngân sách

huyện: 289 triệu đồng; Ngân sách xã: 1.749.382.000 đồng; Nhân dân đóng góp: 484.187.000 đồng, cụ thể:[2]

*** Kế hoạch:**

+ Thực hiện đường giao thông nông thôn 1.052 m, tổng kinh phí: 1.461 triệu. trong đó vốn TW: 1.315 triệu, nhân dân đóng góp: 146 triệu. (Thôn O Yố: 610 m, thôn Châm Bôm: 442 m).

+ Duy tu sữa chữa đường: 1.276,81m. tổng kinh phí : 614.400.000 đồng. Trong đó vốn Tw: 553 triệu; Nhân dân đóng góp: 61.400.000 đồng. (Gồm thôn 6: 715 m; Châm Bôm 581,61m)

*** Giải pháp**

Tiếp tục vận động nhân dân đổ đất đá cấp phối và duy tu sửa chữa các tuyến đường ra khu sản xuất. Thực lực chính trị thôn vận động lực lượng đoàn viên thanh niên, hội viên hội nông dân, hội viên hội phụ nữ và nhân dân trong thôn đóng góp tiền và ngày công lao động xây dựng đường và tu sữa các tuyến đường nội đồng bị hư hỏng.

- Tự đánh giá: Đạt

3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi

- Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên: 4.356,15/4.374,15 ha, đạt 99,59%. (Đạt).

- Chỉ tiêu 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Có Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp xã đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. *(Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ)*.

- Xây dựng hồ sơ minh chứng: QĐ số 48/ QĐ-UBND ngày 08/4/2022 về công bố công khai chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế năm 2022. Kế hoạch số 01/KH-BCH ngày 18/5/2022 của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã.

- Tự đánh giá: Đạt.

4. Tiêu chí số 4 - Điện

- Duy trì kết quả đã đạt được và tiếp tục thực hiện vận động các hộ sản xuất các loại cây công nghiệp (cà phê, hồ tiêu) góp vốn đầu tư đường điện trung và hạ thế phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

- Tuyên truyền vận động người dân sử dụng nguồn điện an toàn đặc biệt là nguồn sử dụng điện tưới tiêu.

- Tự đánh giá: đạt

---

[2] * Công trình Đường giao thông nông thôn thôn Châm Prông 0,207 km. Tổng mức đầu tư: 239.994.000đ Trong đó: Ngân sách tỉnh: 125.000.000đ ; Ngân sách huyện: 30.000.000đ ; Ngân sách xã: 50.000.000đ ; Nhân dân đóng góp: 34.994.000đ. Đã thi công xong.

* Công trình Đường giao thông nông thôn thôn Bông Lar 1,332km. Tổng mức đầu tư: 1.642.412.000đ. Trong đó: Ngân sách tỉnh: 750.000.000đ; Ngân sách huyện: 184.000.000đ (trong đó hỗ trợ năm 2022 90.000.000đ, còn lại 94.000.000đ phân bổ đợt sau); Ngân sách xã: 321.600.000đ ; Nhân dân đóng góp: 386.812.000đ. Đã thi công xong.

5. Tiêu chí số 5 - Trường học

*** Thực trạng:** Đến nay đã có 3/4 trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỉ lệ 75%. *(Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Cừ, Trường Tiêu học số 1 Ia Băng; Trường Mầm non Ia Băng).*

*** Khối lượng thực hiện:**

- Nhu cầu đầu tư xây dựng:

+ Trường tiểu học Số 1 Ia Băng:

Xây dựng 02 phòng học lý thuyết thay thế phòng học tạm tại thôn O Đất, hạng mục: Nhà học 02 phòng, sân bê tông và các hạng mục phụ, tổng kinh phí: 600 triệu đồng; Xây dựng nhà Đa năng 500 m2, kinh phí 4 tỷ đồng; 01 nhà thư viện 500m2; 01 phòng thiết bị dạy học 100m2, kinh phí 1 tỷ đồng. *(chưa có phân bổ vốn)*

+ Trình các cấp có thẩm quyền xin khu đất mới để xây dựng Trường tiểu học số 2 Ia Băng đạt chuẩn (vì khu đất cũ không đủ diện tích để đạt chuẩn).

+ Trường Mầm non Ia Băng: Hiện đang xin kinh phí xây tường rào tại khu trung tâm và xây mới 02 phòng học tại điểm trường Ia Klai, điểm trường Brông Thông (*thay thế 02 phòng học đã xuống cấp).*

+ Trường THCS Nguyễn Văn Cừ: Đã trình UBND Huyện xin sửa chữa 8 phòng học lí thuyết dự kiến sửa chữa năm 2022. Về cơ sở vật chất để đảm bảo trường được công nhận lại trường Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Nhà trường chưa đảm bảo CSVC theo Thông tư 13/2020 của BGD-ĐT về tiêu chuẩn CSVC đối với Trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Nhà trường chưa có đủ các phòng chức năng như:

Thiếu phòng tổ bộ môn: 02 phòng, 01phòng họp công đoàn,01 phòng y tế, 4 phòng bộ môn(AN,MT,KHTN,KHXH). 01 phòng đa năng , 01 nhà để xe giáo viên, 01 nhà công vụ.

Thiếu thiết bị dạy học cho học sinh lớp 6, 7.

*** Tổng kinh phí:** 8.900 triệu đồng. (Ngân sách huyện).

- Tự đánh giá: Đạt

6. Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa

* Hiện trạng: Xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã với tổng diện tích đất 1.800m2, diện tích xây dựng Trung tâm Văn hóa là 150m2 có trên 120 chỗ ngồi, sân khấu 40m2, có 02 phòng chức năng, phòng đọc, phòng phát thanh; *đã được trang bị bàn, ghế, phông màn, ảnh Bác, Nước cộng hòa… âm thanh phục vụ hội họp)*; Công trình phụ trợ Nhà văn hóa - Khu thể thao như khu vệ sinh.

+ Xã có khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi tại khuôn viên trước nhà văn hóa xã với diện tích 1.200 m^2

+ Có 9/11 thôn, làng có nhà văn hóa và 8/11 sân bóng đá, 11/11 sân bóng chuyền ở các thôn, làng.

+ Nhà văn hóa thôn ,làng Hiện còn các công trình phụ trợ như khu vệ sinh, nhà để xe, các dụng cụ tập thể thao đơn giản chưa được đầu tư cho.

* Khối lượng thực hiện

Đang xây dựng Công trình cải tạo trụ sở UBND xã và các hạng mục phụ: Tổng mức đầu tư 605.531.764đ, hiện đang chờ văn bản bàn giao chuyển tài sản sang thuộc quyền quản lý của xã để tiếp tục thực hiện.

* Giải pháp: Tiếp tục vận động nhân dân đóng góp kinh phí để xây dựng sân bê tông, nhà để xe, khu vệ sinh, lắp đặt các dụng cụ tập luyện thể dục thể thao đơn giản tại các sân nhà sinh hoạt

* Tổng kinh phí: 605.531.764triệu.

- Tự đánh giá: Đạt.

7. Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Hiện tại trên địa bàn xã chưa có chợ, nhu cầu mua sắm của nhân dân chủ yếu tập trung mua sắm tại các chợ TP.Pleiku.

Tại trung tâm xã và 11 thôn đều có các cửa hàng mua bán và trao đổi hàng hóa đảm bảo việc giao thương hàng hóa cho nhân dân.

- Tự đánh giá: Đạt

8. Tiêu chí số 8 - Thông tin truyền thông

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, phát huy trạm truyền thanh của xã, việc ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành của xã.

- Tự đánh giá: đạt

9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư

***** Thực trạng**:** Có 2640 hộ có nhà đạt chuẩn/tổng số 3.108 hộ (Đạt 84,94%).

Trong đó xây mới 44 cái, kinh phí 7,92 tỷ đồng; hộ dân tự xây.

* Kế hoạch

Xây mới nhà ở: 30 cái, dự kiến kinh phí 5,4 tỷ đồng.

* Giải pháp: Tiếp tục vận động các hộ dân tự bỏ vốn để xây dựng và sữa chữa nhà ở.

Tập trung tuyên truyền, phổ biến chủ trương, vận động các gia đình chuẩn bị sẵn các điều kiện để xây, sửa nhà ở khi có chủ trương hỗ trợ từ các các nguồn của Chính phủ; hỗ trợ xây dựng nhà từ các chương trình cho hộ nghèo vay vốn ưu đãi làm nhà ở...

- Tổng kinh phí: 7,92 tỷ đồng. (nhân dân đóng góp)

- Tự đánh giá: Đạt.

10. Tiêu chí số 10 - Thu nhập

*** Thực trạng:** Thu nhập bình quân đầu người năm 2022: 45,27tr đồng; đạt theo yếu cầu là: ≥ 44 triệu đồng.

*** Giải pháp**

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, chú trọng thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết việc làm tăng việc sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi trong lao động nông thôn, nhằm tăng thu nhập, đặc biệt đối với người đồng bào DTTS nghèo.

- Tự đánh giá: Đạt

11. Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều

*** Kết quả:** Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. Đầu năm 2022 xã có 131 hộ nghèo, tỷ lệ 4,21%.

*** Kế hoạch**: Số hộ thoát nghèo năm 2022 là 25 hộ.

*** Giải pháp**

- Kết hợp lồng ghép các chương trình mục tiêu để tạo điều kiện cho hộ nghèo vươn lên thoát nghèo và thoát nghèo bền vững, cụ thể:

- Tiếp tục tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận vốn vay, đầu tư phát triển kinh tế; hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo phát triển sản xuất và ổn định cuộc sống; chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi cho phù hợp, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

- Đẩy mạnh phong trào đóng góp xây dựng Quỹ "Ngày vì người nghèo" để góp phần hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở và phát triển sản xuất, cải thiện đời sống.

- Thực hiện tốt chính sách về an sinh xã hội như: Miễn giảm tiền học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên và học sinh; trợ cước, trợ giá và cấp không thu tiền các mặt hàng chính sách như: giống cây trồng, phân bón, hỗ trợ mắc điện sinh hoạt... cho đồng bào DTTS, hộ nghèo kịp thời.

- Tự đánh giá: Đạt

12. Tiêu chí số 12 - Lao động

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cả nam và nữ) (quy định ≥70%): Theo thống kê số lao động trong độ tuổi lao động là 5.019/7.169 người. Đạt 70,01 %. (Đạt)

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cả nam và nữ) (quy định ≥20%): đạt. 1.474/7.169 người. Đạt 20,56%. (Đạt)

* Trong năm đã phối hợp với Trường Cao đẳng Gia Lai, Phòng Lao động thương binh xã hội huyện, Hội liên hiệp Phụ nữ xã, Đoàn thanh niên xã mở 02 lớp nghề (nghề hàn 30 học viên và nghề cắt may 22 học viên), lập thủ tục đăng ký 02 học viên tham gia học lớp sơ cấp nghề bậc 2 tại Trường cao đẳng Gia Lai ngành May công nghiệp; và tiếp tục giới thiệu thêm việc làm có thu nhập cao, ổn định, trong và ngoài tỉnh cho nhân dân trong xã tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

* Giải pháp:

- Duy trì các ngành nghề là chủ lực, thế mạnh của nhân dân trong xã. Đồng thời nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen lao động theo tùy ý của người đồng bào DTTS, tạo điều kiện cho họ tiếp cận được với các công ty xí nghiệp, các đơn vị cung ứng việc làm

- Phối hợp với trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện cà một số đơn vị có chuyên môn, mở các lớp tập huấn kỹ năng kỹ thuật chăm sóc cây trồng, vật nuôi cho nhân dân.

- Thường xuyên tuyên truyền, giới thiệu việc làm đến nhân dân đồng thời làm việc với các công ty để họ về tư vấn việc làm và nhận lao động của xã vào làm việc khi có nhu cầu.

- Tự đánh giá: Đạt

13. Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

*** Kết quả thực hiện**

Duy trì kết quả đã đạt 02 Hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của luật HTX năm 2012; Đã vận động và hoàn thành hồ sơ thành lập tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp thôn O Yố, dự kiến ra mắt trong tháng 8.

*** Nhiệm vụ và giải pháp**

+ Tiếp tục vận động thành lập 01 Hợp tác xã và tiếp tục vận động thành lập 02 doanh nghiệp và ra mắt tổ hợp tác thôn O Yố.

+ Phối hợp với Hội nông dân và các ban, ngành, đoàn thể xã tuyên truyền Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tuyên truyền về lợi ích của việc tham gia vào Hợp tác xã, mô hình liên kết giữa hộ nông dân với doanh nghiệp, có hợp đồng ký kết giữa các bên và thực hiện hiệu quả khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản. Phối hợp với các phòng ban huyện tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật chuyển giao và hướng dẫn quy trình phát triển các loại cây trồng có giá trị, ổn định lâu dài trên địa bàn xã.

- Tự đánh giá: Đạt

14. Tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo

- Đạt chuẩn PCGD các cấp và xóa mù chữ:

+ PCGD MN trẻ 5 tuổi: Đạt

+ PCGD tiểu học: Đạt mức độ 3

+ PCGD THCS: Đạt mức độ 2

+ XMC: Đạt mức độ 2

- Tỉ lệ học sinh TN – THCS được tiếp tục học THPT, bổ túc THPT, TC: Năm 2022-2023: 74,97 hs, đạt 76,28 %.

*** Kế hoạch**

- Duy trì và tiếp tục tuyên truyền vận động học sinh ra lớp đảm bảo.
- Mở lớp đào tạo nghề theo Đề án 1956 của Chính phủ, như nghề xây dựng, hàn...cho nhân dân trên địa bàn cho học viên tham gia.
- Tuyên truyền và vận động thanh niên xuất ngũ về địa phương tham gia các lớp học nghề tại các trung tâm đào tạo nghề trong và ngoài tỉnh.

*** Giải pháp**

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, phối hợp các ngành, đoàn thể huy động các cấp học sinh ra lớp đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
- Trung tâm GDCĐ phát huy vai trò, tổ chức mở các lớp học nghề, đáp ứng yêu cầu của nhân dân.

- Ban chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở tăng cường kiểm tra thực tế, vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ vật chất, tạo điều kiện cho trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn đến trường; phát huy tốt vai trò của hội khuyến học, vận động học sinh bỏ học giữa chừng tiếp tục học. Nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học phổ thông, phấn đấu giữ vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ đạt mức độ 2 theo quy định.

- Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Đoàn Thanh niên tuyên truyền về lợi ích, quyền lợi của thẻ học nghề cho quân nhân xuất ngũ.

- Tự đánh giá: Đạt

15. Tiêu chí số 15 - Y tế

* Thực trạng

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đến nay: Có 11. 407 /13.431 người tham gia BHYT (Trong đó thẻ bộ đội 1.596 thẻ). (Đạt 84,66%). (chưa đạt).

- Có 365 trẻ em suy dinh dưỡng/tổng số 1.377 trẻ em (chiếm 26,5%);

- Tỷ lệ người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử ≥ 50%. đã có biểu hiện trên phần mềm máy tính ...%.

* Giải pháp:

+ Tiếp tục đề xuất xây dựng mới trạm y tế xã diện tích khoảng 500 m2 đảm bảo theo chuẩn quốc gia y tế xã. Kinh phí: 4.500 triệu đồng. (Chưa được bố trí nguồn kinh phí).

+ Tuyên truyền người dân trong thôn nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe cho bản thân và gia đình, nhất là trẻ em dưới 1 tuổi định kỳ tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo lịch tiêm chủng mở rộng; giữ gìn vệ sinh nơi ở sạch sẽ, tránh dịch bệnh lây lan.

- Khi Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025 có hiệu lực thi hành sẽ không còn áp dụng hỗ trợ về thẻ BHYT cho người đồng bào dân tộc thiểu số nữa thì Ủy Ban nhân dân xã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể xã, các đại lý bảo hiểm y tế, tuyên truyền toàn người dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện. Đồng thời vận động các hộ làm nông có mức sống trung bình tham gia bảo hiểm y tế.

- Tự đánh giá: chưa Đạt

16. Tiêu chí 16 - Văn hóa

Xã có 11/11 thôn, làng được công nhận đạt danh hiệu "Thôn, làng văn hóa" tỷ lệ 100%; đạt so với yêu cầu là ≥ 70%.

- Tự đánh giá: đạt

17. Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm

- 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: ≥ 30% nước sạch (≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung): Có 3,086 hộ được sử dụng nước hợp vệ

sinh/tổng số 3,169 hộ (Đạt 97,4%); Không có hệ thống cấp nước tập trung đúng theo quy định;

- 17.2. Có 296 cơ sở ký cam kết đảm bảo quy định môi trường/tổng số 296 cơ sở (Đạt100%);

- 17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung (đạt).

- 17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: ≥ 2m2/ người. (Đạt)

- 17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Các thôn, làng đều có quy hoạch nghĩa địa riêng. (Đạt)

- 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định ≥ 70%: Đạt

* Về chất thải rắn:

+ Đối với phụ phẩm nông nghiệp: Được thu gom và tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp làm làm phân bón, chất đốt...

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Hợp đồng với công ty Thi Nhị về thu gom rác sinh hoạt trên các tuyến đường liên xã, 04 thôn người kinh gồm thôn 5, thôn 6, Hàm Rồng, Châm Prông 1.292 hộ; do nhân dân tự đóng góp, ước kinh phí: 279.720. 000 đồng/ năm, còn lại 07 thôn, trong đó 6 thôn ĐBDTTS đã có ý thức việc dọn dẹp vệ sinh xung quanh nhà ở, tự đào hố rác và xử lý rác, tự chôn, đốt tại hộ gia đình.

* Về nước thải: Các hộ gia đình có hệ thống tiêu thoát nước bằng hầm rút đảm bảo vệ sinh, không để chảy tràn ra ngoài môi trường xung quanh.

- 17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: có 08/08 nhà chứa chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, UBND xã hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng được thu gom hàng năm; Chất thải y tế thu gom tập kết theo ngành y tế đảm bảo đạt 100%. (Đạt)

- 17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Có 2340/3.108 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (Đạt 75,3%). Theo yêu cầu: ≥70%.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện hỗ trợ vật liệu xây dựng nhà vệ sinh cho 20hộ (thôn O Đất 5 hộ, Brông thông 9 hộ, Châm Prông 6hộ), quy ra tiền 3tr.đ/hộ x 20 hộ = 60tr.đ. (Đạt).

- 17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: Có 321 hộ/tổng số 494 hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (Đạt 64,9%). Theo yêu cầu ≥ 60%. Đạt

- 17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%: Có 2,784/2,784, đạt 100%. (Trong đó: 2,682 hộ /tổng số 2,682hộ ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông, lân, thủy sản; Có 77 cơ sở /tổng số 77 cơ sở hộ ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực công thương); Có 25 cơ sở /tổng số 25 cơ sở ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế. Đạt

- 17.11.Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ≥ 30%: 30,3%. (Đạt)

Giải pháp: Tổ chức tuyên truyền, vận động hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định. (Đạt)

* Giải pháp: Tổ chức tuyên truyền, vận động hộ gia đình thu gom chất thải nhựa phát sinh, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

*** Nhiệm vụ và giải pháp**

- Chỉ tiêu 17.1: Phân tích nước sạch để đạt chuẩn 11 thôn, làng, kinh phí: 20,68 triệu.

- Chỉ tiêu 17.8: Xây dựng 50 nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, kinh phí 285 triệu.

+ Thường xuyên đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện phong trào chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ gọn gàng, xanh - sạch - đẹp, nâng cao chất lượng cuộc sống trong mỗi gia đình; tổ chức tốt công tác xử lý rác đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn; vận động nhân dân đầu tư xây dựng các công trình giếng nước, công trình nhà vệ sinh, nhà tắm, chuồng trại chăn nuôi gia súc hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn. Tuyên truyền các hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn thực hiện việc cam kết bảo vệ môi trường, không có các hoạt động làm suy giảm môi trường.

- Tổng kinh phí thực hiện: 339.720.000 đồng. Trong đó: Ngân sách huyện 60 triệu; Nhân dân đóng góp 279.720. 000

- Tự đánh giá: Đạt

18. Tiêu chí số 18 - Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật

18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn:

*** Đối với cán bộ chuyên trách xã:**

Tổng số: 10 người. Chưa đạt chuẩn.

- Các cán bộ chưa qua bồi dưỡng, cụ thể:

+ Bồi dưỡng chức danh: Tổng cộng 03: Phó Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch HLHPN xã; Chủ tịch HCCB xã.

+ Bồi dưỡng tiếng dân tộc: Chủ tịch HCCB xã.

*** Đối với công chức xã:**

Tổng số: 11 người. Chưa đạt chuẩn.

- Công chức chưa qua bồi dưỡng, cụ thể:

+ Bồi dưỡng chức danh: Chỉ huy trưởng BCHQS xã, 01 công chức VP-TK xã, 02 công chức VH-XH (01 mới tuyển dụng).

+ Bồi dưỡng tiếng dân tộc: Chỉ huy trưởng BCHQS xã, 01 công chức VH-XH (mới tuyển dụng).

+ Bồi dưỡng quản lý nhà nước: 01 công chức VH-XH (mới tuyển dụng).

***Nhận xét:** So với tiêu chí Nông thôn mới, xã chưa đạt tiêu chí 18.1.

*** Giải pháp:** Tiếp tục đề xuất cấp trên và tạo điều kiện để cán bộ, công chức xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo quy định (khi được triệu tập) để đạt chuẩn theo quy định.

18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (chờ huyện đánh giá)

18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (chưa đánh giá)

18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Đạt

18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn(nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội. (Đạt)

- Giải pháp

Rà soát số lượng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Tổ chức tuyên truyền cho hội viên và quần chúng nhân dân về hậu quả của việc tảo hôn, luật bình đẳng giới, luật phòng chống bạo lực gia đình; có các biện pháp để hỗ trợ và bảo vệ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

- Tự đánh giá: Chưa đạt

2. Tiêu chí 19. Quốc phòng và an ninh

19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng đảm bảo.

19.2 . Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế; giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy) gắn với phong trào toàn daanbaor vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Giải pháp: Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng, an toàn an ninh để không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nan xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

- Tự đánh giá: Đạt

IV. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

Tổng vốn đã huy động: 11.689.568.000đồng.

Trong đó:

Ngân sách tỉnh: 1.187 triệu đồng;

+ Ngân sách huyện: 349 triệu;

+ Ngân sách xã: 1.749.382.000 đồng;

+ Nhân dân đóng góp: 8.404.186.000 đồng

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

Được sự quan tâm, chỉ đạo của cấp trên, đầu tư đường giao thông nông thôn thuận tiện trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa nhằm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, huy động đóng góp kinh phí từ nhân dân để xây dựng các cơ sở vật chất văn hóa tại thôn, làng, tạo được sự đồng thuận cao trong xây dựng nông thôn mới.

2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

- Hạn chế: Các tiêu chí đăng ký thực hiện trong năm 2022 đến thời điểm hiện tại chưa hoàn thành, chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Một số cán bộ, công chức phụ trách các tiêu chí tham mưu Ban Quản lý thiếu chủ động, chưa sâu, chưa sát, chưa phát huy hết chức năng, nhiệm vụ của mình. Việc huy động nguồn lực đóng góp trong nhân dân chưa cao; Công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận và các ban, ngành, đoàn thể chưa thường xuyên, liên tục, hiệu quả chưa cao nên nhận thức của người dân còn hạn chế, sự trông chờ ỷ lại của người dân còn cao; các công trình đầu tư xây dựng phúc lợi công cộng chậm được triển khai.

- Nguyên nhân: Khối lượng công việc nhiều nên triển khai thực hiện đôi lúc còn chậm trễ, đa số các thành viên trong Ban quản lý đều hoạt động kiêm nhiệm, khối lượng công tác chuyên môn khá nhiều nên ảnh hưởng đến hoạt động của Ban Chỉ đạo trong việc triển khai thực hiện các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

- Tổng nguồn vốn dự kiến thực hiện: 12.874.704.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 1.315.553.000 đồng.

+ Ngân sách tỉnh: 0 triệu;

+ Ngân sách huyện: 5.813.197.000 đồng. (Trong đó 1.138.272.000 đồng đã có kế hoạch vốn; hơn 4 tỷ chưa có phân bổ vốn);

+ Ngân sách xã: 200 triệu đồng;

+ Nhân dân đóng góp: 5.607.398.000 đồng.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Thường trực Ban Chỉ đạo huyện, phòng ban, chuyên môn của huyện tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ minh chứng các tiêu chí do đơn vị phụ trách.

Trên đây là tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới đến ngày 18/11/2022 và kế hoạch thực hiện trong thời gian đến./.

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Mặt trận và các ban, ngành đoàn thể xã;
- Hiệu trưởng 4 trường, Trạm Y tế;
- Thôn trưởng các thôn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Vũ Thị Kim Nhã